TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2018/HNGĐST
Ngày 15-01-2018
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

2. Bà **Phạm Thị Thu Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188A/2017/TLST–HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2017/QĐXXST–HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2017/QĐST–HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Kim C** – sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T.E** – sinh năm 1989 (vắng mặt lần 2, không lý do).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 21/11/2017 và ngày 06/12/2017, nguyên đơn chị Trần Thị Kim C trình bày:*** Chị và anh Nguyễn Văn T.E tự quen nhau và đi đến tổ chức đám cưới vào tháng 02 năm 2010 (âm lịch), được Uỷ ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/01/2012.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 02 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nguyễn Văn T.E thường hay đi nhậu, không lo làm ăn và chăm sóc vợ con, ngoài ra anh T.E còn quan hệ với người phụ nữ khác, từ đó mà vợ chồng thường hay cự cãi, mỗi lần cự cãi nhau thì anh T.E bỏ nhà đi. Chị C có khuyên can nhiều lần nhưng anh T.E vẫn không thay đổi, từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2015 cho đến nay.

Về con chung: Chị C xác nhận vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Duy P1 – sinh ngày 02/10/2011 và Nguyễn Duy P2 – sinh ngày 10/12/2013.

Hiện nay các cháu Duy P1 và Duy P2 đang sống chung với gia đình của chị C.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị C xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị C yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.E.

Về quan hệ con chung: Chị C yêu cầu được nuôi hai cháu Duy P1 và Duy P2, không yêu cầu anh T.E cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Do bị đơn anh Nguyễn Văn T.E đã được Tòa án triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên anh T.E không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim C được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp. Anh Nguyễn Văn T.E đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T.E vắng mặt không lý do, ngoài ra chị C yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.E nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T.E.

Xét yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Trần Thị Kim C, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Trần Thị Kim C và anh Nguyễn Văn T.E chung sống với nhau được UBND xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/01/2012 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị C: Xét thấy chị C và anh T.E chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 02 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nguyễn Văn T.E thường hay đi nhậu, không lo làm ăn và chăm sóc vợ con, ngoài ra anh T.E còn quan hệ với người phụ nữ khác, từ đó mà vợ chồng thường hay cự cãi, mỗi lần cự cãi nhau thì anh T.E bỏ nhà đi. Chị C có khuyên can nhiều lần nhưng anh T.E vẫn không thay đổi, từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa. Mặt khác, vợ chồng đã ly thân từ tháng 12 năm 2015 cho đến nay. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C.

[3] Xét yêu cầu xin nuôi hai người con và không yêu cầu anh T.E cấp dưỡng của chị C: Xét thấy hai người con chung là Nguyễn Duy P1 – sinh ngày 02/10/2011 và Nguyễn Duy P2 – sinh ngày 10/12/2013 hiện nay đang được chị C nuôi dưỡng, chị C vẫn đảm bảo sự phát triển mọi mặt của các con; mặt khác, hai con hiện còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao hai người con cho chị C tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Do chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kim C:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Kim C được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.E.

Về quan hệ con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị C, giao hai người con là Nguyễn Duy P1 – sinh ngày 02/10/2011 và Nguyễn Duy P2 – sinh ngày 10/12/2013 cho chị C tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh T.E không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Về án phí HNGĐST: Chị Trần Thị Kim C phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim C. Chị Trần Thị Kim C được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.E.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai người con: Nguyễn Duy P1 – sinh ngày 02/10/2011 và Nguyễn Duy P2 – sinh ngày 10/12/2013 cho chị Trần Thị Kim C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T.E không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T.E được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí HNST: Chị Trần Thị Kim C phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0007791 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho nguyên đơn chị C có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn anh T.E vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND xã T, huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạo